

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN “NHÀ VĂN HOÁ, QUẢNG TRƯỜNG KHU**  
**TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DÂN CƯ**  
**HUYỆN ĐÌNH LẬP”**

**Địa điểm dự án: Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập,**  
**tỉnh Lạng Sơn.**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN “NHÀ VĂN HOÁ, QUẢNG TRƯỜNG KHU**  
**TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DÂN CƯ**  
**HUYỆN ĐÌNH LẬP”**

**Địa điểm dự án: Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập,**  
**tỉnh Lạng Sơn.**

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**XÂY DỰNG HUYỆN ĐÌNH LẬP**



**GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Văn Quân*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY CP**  
**EJC TẠI LẠNG SƠN**



**GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Minh Tường*

MỤC LỤC

**CHƯƠNG I**

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư .....	1
2. Tên dự án đầu tư .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	1
3.1. Công suất của dự án đầu tư .....	1
3.2 Quy trình hoạt động của dự án đầu tư: .....	2
3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư .....	3
4.1. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn xây dựng .....	3
4.2: Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn vận hành: .....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: .....	8
5.1: Tiến độ thực hiện dự án.....	8
5.2: Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn .....	9
5.3: Các hạng mục đầu tư xây dựng. ....	9
SỰ PHÙ HỢP CÁC QUY HOẠCH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	12
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	12
1.Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. ....	12
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	13
CHƯƠNG III.....	14
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	14
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	14
1.1. Chất lượng các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án .....	14
1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường có thể bị tác động do dự án .....	14
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	15
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải .....	15

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án....	17
3.1. Chất lượng môi trường không khí .....	19
3.3. Chất lượng môi trường đất .....	20
CHƯƠNG IV .....	23
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án: .....	23
1.1. Công trình xử lý nước thải.....	23
1.3: Công trình xử lý bụi và khí thải. ....	27
1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	28
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	29
2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....	30
2.1. Công trình xử lý nước thải.....	30
2.2. Công trình xử lý Bụi, khí thải.....	35
2.3. Chất thải rắn.....	36
2.4. Nguồn không liên quan đến chất thải.....	39
2.5. Sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động .....	39
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	40
3.1. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án.....	40
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, BVMT .....	40
3.3. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành công trình BVMT.....	41
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:.....	41
4.1. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá .....	41
4.2. Mức độ chi tiết của các đánh giá .....	42
CHƯƠNG V .....	43
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	43
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	43
1.1. Nguồn phát sinh nước thải: .....	43
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: .....	43

CHƯƠNG VI.....	45
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ	
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC .....	45
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	45
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư .....	45
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	46
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	46
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	46
CHƯƠNG VII .....	47
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	47
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	47
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan .....	47

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

ATLĐ	: An toàn lao động
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BXD	: Bộ Xây dựng
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXL	: Hệ thống xử lý
KK	: Không khí
NXB	: Nhà xuất bản
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	: Quyết định
QH	: Quốc hội
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TN&MT	: Tài nguyên và Môi trường
TT	: Thông tư
UB	: Ủy ban
UBND	: Ủy ban nhân dân
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới.

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1: Khối lượng nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn thi công xây dựng.....	3
Bảng 1.2: Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn xây dựng .....	4
Bảng 1.3: Định mức nhiên liệu sử dụng thi công xây dựng.....	4
Bảng 1.4: Các loại máy móc, thiết bị phục vụ dự án trong giai đoạn hoạt động .....	6
Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt.....	8
Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của Dự án.....	9
Bảng 1.7: Giải pháp xây dựng dự án .....	8
Bảng 3.1: Tọa độ ranh giới của dự án .....	15
Bảng 3.2: Phương pháp lấy mẫu và phân tích các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường không khí, đất, nước tại khu vực Dự án .....	17
Bảng 3.3: Các vị trí đo đạc, lấy mẫu .....	19
Bảng 3.4: Chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án.....	19
Bảng 3.5: Chất lượng môi trường đất của Dự án .....	20
Bảng 4.1: Kích thước bể xử lý nước mưa .....	32
Bảng 4.2: Kích thước chi tiết các bể xử lý nước thải .....	33
Bảng 4.3: Lượng CTR phát sinh lớn nhất trong ngày .....	36
Bảng 4.4: Chất thải nguy hại phát sinh.....	37
Bảng 4.5: Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án. ....	40
Bảng 5.1: Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt. ....	43
Bảng 6.1: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	45
Bảng 1: Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt. ....	49
Bảng 2: Kích thước chi tiết các bể xử lý nước thải:.....	51
Bảng 3: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	52
Bảng 4: Lượng CTR phát sinh lớn nhất trong ngày .....	53

## **CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1: Quy trình hoạt động của dự án .....	2
Hình 2: Hiện trạng khu đất xây dựng nhà văn hoáCHƯƠNG II.....	11
Hình 3: Sơ đồ vị trí thực hiện dự án. ....	16
Hình 4: Quá trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.....	32
Hình 5: Mô hình bể tự hoại 3 ngăn cải tiến Bastaf.....	34
Hình 6: Mô hình hố ga lắng cặn .....	35



## **CHƯƠNG I**

### **THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Tên chủ dự án đầu tư**

##### **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN ĐÌNH LẬP**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 1, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Văn Quân

- Chức vụ: Giám Đốc

- Quốc tịch: Việt Nam

#### **2. Tên dự án đầu tư**

##### **Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập**

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Quy mô của dự án đầu tư phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Dự án nhóm C với tổng mức vốn đầu tư 44.800.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn bốn tỷ, tám trăm triệu đồng.*)

- Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: UBND huyện Đình Lập.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: UBND huyện Đình Lập.

#### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư**

##### **3.1. Công suất của dự án đầu tư**

Dự án đầu tư xây dựng các hạng mục như sau:

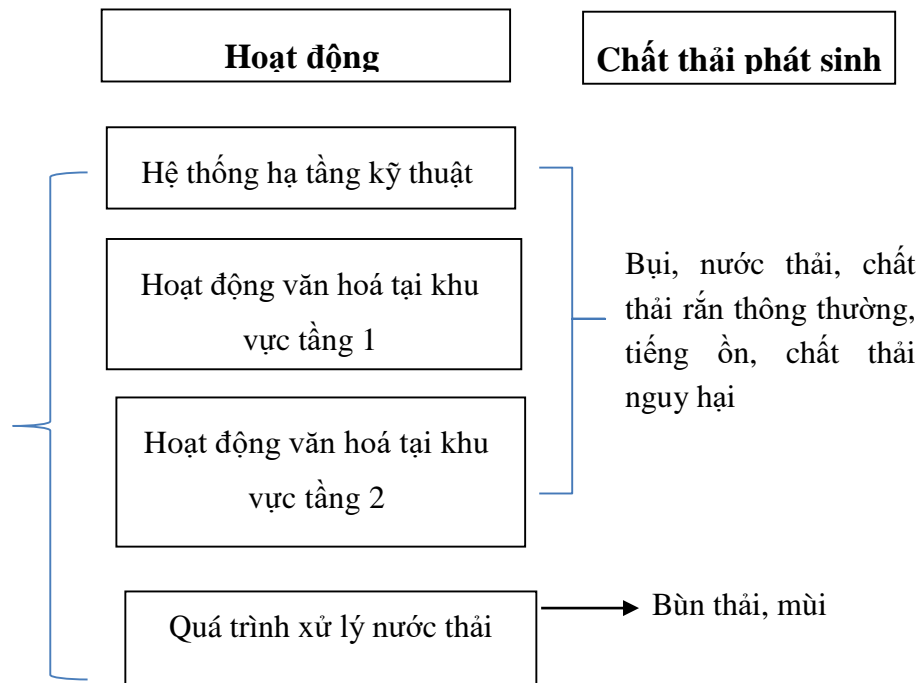
- Hạng mục Quảng trường trung tâm huyện Đình Lập quy mô diện tích là 0,61ha.

- Hạng mục: Nhà văn hoá trung tâm huyện Đình Lập diện tích 0,28ha bao gồm nhà văn hoá có sức chứa 360 người, các phòng phục vụ kỹ thuật, khu vệ sinh và sân xung quanh.

- Các hạng mục khác gồm: Cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc với diện tích đã được quy hoạch là 7,21ha.

### **3.2 Quy trình hoạt động của dự án đầu tư:**

Do đặc thù dự án là khu nhà văn hoá trung tâm nên không có quy trình công nghệ sản xuất mà dự án sẽ thành lập ban quản lý tại dự án theo cơ cấu tổ chức vận hành như sau:



**Hình 1: Quy trình hoạt động của dự án**

#### **Thuyết minh quy trình:**

Sau khi hoàn thành, khi dự án đi vào hoạt động khu nhà văn hoá và quảng trường chủ yếu phục vụ các hoạt động thể thao, văn hoá và vui chơi của người dân trong vùng, các hoạt động phát sinh ít chất thải, chất thải phát sinh chủ yếu là: Bụi, nước thải, chất thải rắn thông thường, tiếng ồn và chất thải nguy hại. Các loại chất thải này được lưu trữ, quản lý và thu gom theo các quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn và không gây ảnh hưởng tới môi trường khu vực.

### 3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư.

Đầu tư xây dựng Nhà văn hoá, quảng trường Khu trung tâm văn hoá thể thao và dân cư huyện Đình Lập với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân trên địa bàn huyện, đồng thời hoàn chỉnh hạ tầng, kiến trúc cảnh quan khu trung tâm, góp phần hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Dự án đi vào hoạt động, dự kiến khu nhà văn hoá có sức chứa tối đa cho khu nhà văn hoá là 360 người. Số lượng CBCNV làm việc tại dự án khoảng 20 người.

### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

#### 4.1. Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn xây dựng

**Bảng 1.1: Khối lượng nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn thi công xây dựng**

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	TỶ TRỌNG (Tấn/m <sup>3</sup> )	KHỐI LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG QUY ĐỔI (TẤN)
1	Cát	m <sup>3</sup>	1,4	1.235	1.729
2	Cát vàng 1-2,5	m <sup>3</sup>	1,45	1.275,5	1.849,5
3	Đá hộc	m <sup>3</sup>	1,5	2.215	3.322,5
4	Đá	m <sup>3</sup>	1,6	980	1.568
5	Đinh	Kg	0,001	246	0,246
6	Gạch xây	Viên	0,002	18.000	36
7	Que hàn	Kg	0,001	600	0,6
8	Thép	Kg	0,001	1.900	1,9
9	Xi măng	Kg	0,001	1.550	1,55
10	Tấm tôn	m <sup>2</sup>	0,02	2.850	57
<b>TỔNG</b>					<b>8.566,3</b>

(Nguồn: Thuyết minh của dự án đầu tư)

Như vậy, khối lượng các nguyên vật liệu chính sử dụng phục vụ quá trình thi công xây dựng dự án khoảng 8.566,3 tấn.

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu giai đoạn xây dựng: Dự kiến sử dụng các vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Đình Lập và các khu vực lân cận huyện Đình Lập.

\*Nhiên liệu:

Xăng dầu được lấy từ cửa hàng xăng dầu thị trấn Đình Lập.

\* Nhu cầu sử dụng thiết bị trong giai đoạn xây dựng

**Bảng 1.2: Danh mục máy móc thiết bị giai đoạn xây dựng**

TT	Tên máy	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc
1	Cần trục bánh hơi 6T	Cái	1	Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản
2	Đầm bánh hơi tự hành 16T	Cái	1	
3	Máy cắt uốn cốt thép 5kw	Cái	1	
4	Máy đào <=0,8m <sup>3</sup>	Cái	1	
5	Máy đầm dùi	Cái	1	
6	Máy lu 10T	Cái	1	
7	Máy trộn bê tông 250L	Cái	1	
8	Xe oto 12 tấn	Cái	1	
9	Máy lu rung	Cái	1	
8	Máy trộn vữa 150L	Cái	1	
9	Ô tô tự đổ 7T	Cái	1	
10	Cần cầu bánh xích 10T	Cái	1	
11	Cần trục tháp 25T	Cái	1	
15	Máy bơm bê tông 50m <sup>3</sup> /h	Cái	1	

(Nguồn: Thuyết minh của dự án đầu tư)

\* Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong giai đoạn thi công xây dựng

Nhiên liệu sử dụng trong suốt quá trình xây dựng dự án để phục vụ cho máy móc, thiết bị thi công và các phương tiện vận chuyển.

**Bảng 1.3: Định mức nhiên liệu sử dụng thi công xây dựng**

TT	Tên máy	Đơn vị	Số lượng	Định mức (lít/ca/máy) (Kwh/ca/máy)	Tổng nhu cầu sử dụng (1 ca)
1	Máy cắt uốn cốt thép 5kW	Cái	1	20 kWh	
2	Đầm bánh hơi tự hành 16T	Cái	1	50 lit diezen	
3	Máy đào <=0,8m <sup>3</sup>	Cái	1	92 lit diezen	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập

TT	Tên máy	Đơn vị	Số lượng	Định mức (lít/ca/máy) (Kwh/ca/máy)	Tổng nhu cầu sử dụng (1 ca)
4	Máy lu 10T	Cái	1	37 lit diezen	
5	Máy trộn bê tông 250 lít	Cái	1	23 kWh	
6	Máy trộn vữa 80 lít	Cái	1	11 kWh	
7	Máy hàn	Cái	1	19 kWh	
8	Cần trục bánh hơi 6T	Cái	1	49 lit diezen	
<b>TỔNG</b>			<b>73 kWh</b>	<b>228 lit diezen</b>	

(Nguồn: Thuyết minh dự án)

*\*Nhu cầu sử dụng điện cho dự án:*

Trong quá trình thi công xây dựng dự án cần sử dụng điện. Nguồn cấp điện cho dự án lấy từ trạm biến áp thị trấn Đình Lập.

*\*Nhu cầu sử dụng nước cho dự án:*

Nhu cầu sử dụng nước sử dụng cho giai đoạn này là phục vụ cho công nhân xây dựng và phục vụ cho quá trình thi công xây dựng. Trong đó:

+ Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt.

Số công nhân làm việc tại khu vực dự án khoảng 40 người. (Theo TCXDVN 13606:2023 cấp nước- mạng lưới đường ống và công trình, yêu cầu thiết kế), Tại bảng 2 (mục 5.1.2)- Tiêu chuẩn dùng nước cho mục đích sinh hoạt). khu vực thực hiện dự án có định mức cấp nước 60-120 lít/ người/ ngày. Công nhân xây dựng dự án đều là người địa phương, có điều kiện tự túc ăn ở nên lấy định mức cấp nước là 60 lít/ người/ ngày.

$$60 \text{ lít/ người/ ngày} \times 40 \text{ người} = 2.400 \text{ lít/ ngày} = 2,4 \text{ m}^3$$

+ Nhu cầu sử dụng nước cho thi công:

Dựa theo khối lượng thi công của dự án và theo kinh nghiệm của các nhà thầu thi công các dự án có quy mô xây dựng tương tự. Dự kiến nhu cầu sử dụng nước cho quá trình xây dựng của dự án ước tính khoảng 1 m<sup>3</sup>/ ngày.

Vậy, tổng lượng nước cấp cho quá trình thi công của dự án là 3,4 m<sup>3</sup>/ ngày

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho hoạt động của dự án là trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Đình Lập.

**4.2: Nguyên, nhiên vật liệu giai đoạn vận hành:**

**\*Nhu cầu về máy móc, thiết bị:**

Các máy móc, thiết bị giai đoạn hoạt động của dự án chủ yếu phục vụ cho người dân đến nhà văn hoá và quảng trường trung tâm, hoạt động sinh hoạt của CBCNV làm việc tại dự án, cụ thể như sau:

**Bảng 1.4: Các loại máy móc, thiết bị phục vụ dự án trong giai đoạn hoạt động**

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Năm SX	Tình trạng	Nguồn gốc
<b>I</b>	<b>Phòng hội trường</b>				
1	Ghế	360	2022	Mới	Trung Quốc Việt Nam
2	Màn hình led 43”	1	2022	Mới	
3	HT Camera	HT	2022	Mới	
4	HT điện, chiếu sáng	HT	2022		
5	HT thông tin liên lạc	HT	2022		
<b>II</b>	<b>Phòng đọc và thư viện</b>				
1	Gia để sách	1	2022	Mới	Trung Quốc Việt Nam
2	Sách	-	-	Mới	
3	Bàn ghế làm việc	1	2022	Mới	
4	Bảng	1	2022	Mới	
5	Quạt điện	1	2022	Mới	
<b>III</b>	<b>Phòng thể thao, phòng chuẩn bị, phòng hoá trang</b>				
1	Bàn bóng bàn	1	2022	Mới	Trung Quốc Việt Nam
2	Lưới đánh cầu, đánh bóng...	1	2022	Mới	
3	HT ghế ngồi	30	2022	Mới	
4	Quạt	10	2022	Mới	
	<b>Phòng tiếp khách, phòng trưng bày, phòng chức năng</b> <b>Phòng kỹ thuật âm thanh ánh sáng</b>				
1	Bàn ghế sofa	1	2022	Mới	Trung Quốc

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập*

2	Tủ trung bày	1	2022	Mới	Việt Nam
3	HT điện	1	2022	Mới	
4	HT quạt điện	1	2022	Mới	
<b>Phòng nhân viên</b>					
1	Bộ giường tủ	1	2022	Mới	Trung Quốc Việt Nam
2	Bàn ghế	1	2022	Mới	
3	Quạt	1	2022	Mới	
<b>Sân, đường dạo xung quanh nhà văn hoá</b>					
1	HT ghế ngồi	1	2022	Mới	Việt Nam
2	HT bồn hoa, cây cảnh	1	2022	Mới	
3	Ht điện chiếu sáng	1	2022	Mới	

**\*Nhu cầu sử dụng điện cho dự án:**

Trong quá trình hoạt động của dự án cần sử dụng điện. Nguồn cấp điện cho dự án lấy từ trạm biến áp thị trấn Đình Lập.

- Nguồn điện: Nguồn điện trung thế cấp cho dự án sẽ đấu vào trạm biến áp bằng đường cáp ngầm 35KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm<sup>2</sup> luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D195/150 chôn ngầm.

- Đường dây trung thế và trạm biến áp:

+ Lưới điện 35KV khu vực sử dụng cáp lõi đồng bố cách điện XLPE chống thấm dọc, kết cấu mạch vòng, tiết diện XLPE-3x24mm<sup>2</sup>. Toàn bộ cáp ngầm 35KV được luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE D195/150 chôn ngầm dưới đất ở độ sâu 85m; hào cáp được đào sâu 0,95m, phía trên và dưới được bao một lớp cát đen, trên lớp cát đen đặt một lớp gạch chỉ bảo vệ cơ học cho cáp dọc theo chiều dài tuyến cáp, tiếp đó lấp đất mịn, lưới ni long báo hiệu cáp rộng 0,5m đặt cách mặt đất tự nhiên 0,3m, cáp đi song song cách nhau 250m, cách móng công trình xây dựng ≥1000mm.

+ Trạm biến áp 35/0,4KV dùng trạm Kios 03 buồng, trong đó: 01 buồng đặt máy biến áp, 01 buồng đặt tủ trung thế, 01 buồng đặt tủ hạ thế.

+ Hạ thế: Toàn bộ lưới hạ thế dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV được chôn ở độ sâu 0,7m so với cốt quy định, phía trên và dưới được bao một lớp cát đen, trên lớp cát đen đặt một lớp gạch bảo vệ cơ học cho cáp dọc theo chiều dài tuyến cáp,

tiếp đó lấp đất mịn, lưới ni lông bảo hiệu cấp rộng 0,5m đặt cách mặt đất tự nhiên 0,2m. Đoạn cáp qua đường luôn trong ống bảo vệ chuyên dụng và cách mặt đường 1m.

**\*Nhu cầu sử dụng nước cho dự án:**

-*Nguồn nước cấp:* Nguồn nước cung cấp cho hoạt động của dự án là trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Đình Lập.

- *Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt:*

Nước sử dụng trong giai đoạn hoạt động của dự án phục vụ cho các mục đích:

- Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của CBCNV làm việc tại dự án (Theo TCXDVN 13606:2023 cấp nước- mạng lưới đường ống và công trình, yêu cầu thiết kế), Tại bảng 2 (mục 5.1.2)- Tiêu chuẩn dùng nước cho mục đích sinh hoạt). Khu vực thực hiện dự án có định mức cấp nước 60-120 lít/ người/ ngày. Công nhân viên làm việc tại dự án đều là người địa phương, lấy định mức cấp nước là 80 lít/ người/ ngày.

- Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân đến tham gia các hoạt động tại khu vực nhà văn hoá (chủ yếu phục vụ nhu cầu đi vệ sinh). (Theo TCXDVN 13606:2023 cấp nước- mạng lưới đường ống và công trình, yêu cầu thiết kế), Tại bảng 2 (mục 5.1.2)- Tiêu chuẩn dùng nước cho mục đích sinh hoạt). Đối với khu vực nhà văn hoá, sân vận động và nhà thi đấu thể thao, lượng nước cấp cho khán giả với lượng nước cấp là 15 lít/ người. Do đó lượng nước sinh hoạt tại dự án được tính như sau:

**Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng dùng nước</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Số người</b>	<b>Tổng lượng nước (m<sup>3</sup>)</b>
1	CBCNV làm việc tại dự án	80	20	1,6
2	Người dân đến tham gia hoạt động tại nhà văn hoá	20	360	7,2
<b>Tổng</b>			<b>8,8 m<sup>3</sup>/ ngày</b>	

Vậy, tổng lượng nước sử dụng một ngày trong quá trình dự án đi vào hoạt động là 8,8 (m<sup>3</sup>/ngày).

**5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:**

**5.1: Tiến độ thực hiện dự án.**

Tiến độ thực hiện: Dự kiến hoàn thành, đưa vào sử dụng năm 2024



## 5.2: Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn

- Tổng vốn đầu tư: 44.800.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, tám trăm triệu đồng) lấy từ nguồn vốn ngân sách huyện (tiền thu sử dụng đất).

## 5.3: Các hạng mục đầu tư xây dựng.

### 5.3.1: Hạng mục xây dựng

Chủ dự án thực hiện xây dựng quảng trường trung tâm huyện các hạng mục được xây dựng trên khu đất với tổng quy mô 6.068 m<sup>2</sup> chi tiết như sau:

**Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của Dự án**

TT	Hạng mục	DT (m <sup>2</sup> )	SL	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Cấp công trình
<b>Các hạng mục công trình chính</b>					
I	Nhà văn hoá			1.070	III
1	Tầng 1				
	Phòng hội trường	419,3	1	419,3	III
	Phòng làm việc	38,7	2	77,4	III
	Phòng trưởng phòng truyền thông	15,5	1	15,5	III
	Phòng nhân viên	20	1	20	III
	Phòng chuẩn bị	31,4	2	62,8	
	Phòng hoá trang diễn viên nam nữ	16,5	1	16,5	
	Phòng vệ sinh nam, nữ (Khách)	29,2	1	29,2	
	Phòng vệ sinh nam, nữ (diễn viên)	16,1	1	16,1	
2	Tầng 2				
	Phòng họp	39,9	1	39,9	
	Phòng kỹ thuật ánh sáng	16,1	1	16,1	
	Phòng kỹ thuật âm thanh	16,5	1	16,5	
	Phòng nhân viên	16,5	1	16,5	
	Phòng vệ sinh nam, nữ (Khách)	29,9	1	29,9	
	Phòng vệ sinh nam, nữ (diễn viên)	16,1	1	16,1	
<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>					

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập*

1	Sân xung quanh nhà văn hoá	1.186,4	1	363	III
2	Bồn hoa, cây xanh đảm bảo mỹ quan	-	-	-	III
3	Bãi để oto, xe máy, xe đạp	-	-	-	
4	Hệ thống cấp điện tổng thể	HT	1	-	-
5	Hệ thống chiếu sáng đô thị	HT	1	-	-
6	Hệ thống thông tin liên lạc	HT	1	-	-
<b>B</b>	<b><i>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</i></b>				
1	Bể tự hoại	10,626 m <sup>3</sup>	3	-	
2	Hố ga nước thải 600x 600	Hố	2	-	
3	Rãnh tấm đan B300 xây gạch	m	156	-	
4	Hố ga nước mưa	Hố	8		
5	Cống BTCT B300	m	10		
<b><i>Tổng</i></b>		<b><i>6.068 m<sup>2</sup></i></b>			

**5.3.2: Giải pháp xây dựng:**

**Bảng 1.7: Giải pháp xây dựng dự án**

TT	Hạng mục	Công trình xây dựng
1	Quảng trường	<p>Sân quảng trường lát gạch bê tông giả đá kích thước 400x400mm diện tích 2.938,75m<sup>2</sup>.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 04 góc và trung tâm quảng trường là các bồn hoa lớn trồng xen kẽ nhiều loại hoa tạo thành từng tầng. Ở giữa tâm bồn hoa được đặt hòn non bộ tạo điểm nhấn. Phần đường dạo đi vào bồn hoa được lát bằng gạch bê tông giả đá kích thước 300x300mm diện tích 346,46m<sup>2</sup>. Phía ngoài còn được trang trí bằng các bồn trồng cây nhỏ kích thước (3x3)m ốp đá granite màu ghi sáng.</li><li>- Sân khấu kích thước 10,5x24m cao 1,2m so với nền sân quảng trường. Tam cấp lát đá granite, tường bao xung quanh ốp gạch thẻ 150x300mm, nền sân khấu lát gạch 300x300 chống trơn, ở trung tâm có lát đá hoa văn.</li><li>- Giải pháp kết cấu: bục sân khấu khung BTCT mác 200#, kết hợp tường gạch bê tông không nung 220 chịu lực, sàn BTCT dày 10cm. Sân lát gạch, lát đá quảng trường có lớp bê tông nền mác 200# dày 10cm. Bồn hoa lớn sử dụng các viên bó vỉa bê tông đúc sẵn KT mặt cắt 150x210, bồn cây xây bằng gạch bê tông không nung 6,5 x 10,5 x 22cm, vữa XM mác75#.</li><li>- Giải pháp cấp, thoát nước: được cấp nước từ hệ thống cấp nước chung của khu vực; thoát nước ra hệ thống hố ga thu nước mặt của khu vực;</li><li>- Giải pháp cấp điện, chiếu sáng: từ hệ thống cấp điện chung của khu vực sử dụng dây cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC; Điện chiếu sáng quảng trường sử dụng cột đèn chùm sân vườn bằng gang đúc sẵn cao 2,5m đặt ở phía trong bồn hoa. Xung quanh các bồn hoa còn được trang trí bằng hệ thống đèn LED sân vườn cao 0,6m. Toàn bộ hệ thống điện chiếu sáng được điều khiển bằng 01 tủ điều khiển chiếu sáng được</li></ul>

		đặt ở góc quảng trường. Hệ thống đường dây cấp điện chiếu sáng sử dụng dây Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC đi ngầm đất được luồn trong các ống gen bảo vệ
2	Nhà văn hoá	<p>- Giải pháp kết cấu: Nhà kết cấu khung BTCT kết hợp tường gạch xây gạch không nung 220 chịu lực, móng băng BTCT. Nền hội trường lát gạch Ceramic 600x600mm vân đá màu vàng nhạt, nền các phòng, sảnh và hành lang lát gạch Granite 600x600 màu trắng, chân tường ốp gạch men sáng kích thước 150x600mm, viền trang trí khu vực sảnh lát gạch Granite màu sẫm. Nhà vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường vệ sinh ốp gạch 300x600mm màu trắng, ngăn chia bằng vách compact dày 12mm. Bậc tam cấp, cầu thang ốp đá granite, đường dốc lát đá nhám chống trơn. Viền sàn khu vực sảnh, cửa thông phòng ốp đá Granite tự nhiên màu đen. Lan can cầu thang dùng inox 304 có tay vịn bằng gỗ D80. Toàn bộ trong và ngoài nhà được không bả 3 lớp gồm 1 lớp lót 2 lớp màu, tường sơn màu vàng nhạt, các chi tiết cột và phào chỉ sơn màu ghi nhạt, chân tường sơn màu vàng đậm. Cửa đi dùng cửa panô gỗ đặc, cửa sổ cửa gỗ kính dán màu trắng dày 6,38 cửa phòng vệ sinh dùng cửa nhựa lõi thép kính dán mờ dày 6,38 ly.</p> <p>+ Phần mái khu vực các không gian phòng chức năng, phòng làm việc, phòng điều hành đồ sà BTCT, mái khu vực không gian hội trường là hệ khung thép hình lợp tôn chống nóng, và trần thạch cao xương chìm giạt cấp tạo mỹ quan. Trần nhà vệ sinh có lắp đặt trần thả thạch cao 600x600mm xương nổi chịu ẩm. Trần hành lang và các phòng chức năng sơn màu trắng.</p> <p>+ Giải pháp thiết kế điện: được lấy từ lưới hạ thế 0,4kV của khu vực; Nhà văn hóa được bố trí các tủ điện để phân phối điện; thiết kế hệ thống chống sét, nối đất tiếp địa đảm bảo quy định an toàn điện;</p>

	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giải pháp cấp, thoát nước: Nguồn nước được lấy từ mạng lưới cấp nước bên ngoài vào bể chứa ngầm 14m<sup>3</sup>; được bơm lên 02 téc đặt trên mái nhà thể tích 3m<sup>3</sup>; Dẫn nước tới các nhà vệ sinh bằng ống nhựa; Thoát nước thải từ các chậu rửa mặt và phễu thu nước sàn được thu vào các ống đứng thoát nước rửa rồi dẫn ra hố ga đặt dưới vệ sinh tầng 1 rồi xả vào hệ thống thoát nước thải hạ tầng ngoài nhà. Nước thải từ các chậu xí, âu tiểu được gom vào ống đứng thoát nước xí dẫn vào bể tự hoại. Thoát nước mưa được thu gom vào các ống thoát nước mái vào hố ga.</li><li>+ Giải pháp chống mối: chống mối ngoài nhà bằng các hào chống mối với kích thước BxH=0,6x0,8m được trộn đều với thuốc chống mối tỷ lệ 15L/m<sup>3</sup>; Nền trong nhà được pha trộn thuốc chống mối với tỷ lệ 3-5L/m<sup>2</sup>.</li><li>+ Giải pháp thiết kế hệ thống điều hòa không khí, thông tin liên lạc: Thiết kế đảm bảo theo quy định;</li><li>+ Giải pháp PCCC: Thiết kế hệ thống PCCC theo quy định.</li></ul>
--	---

#### **5.4. Điều kiện giao đất, quyền sử dụng đất**

- Khu đất thực hiện dự án được xây dựng trên khu đất mới quy hoạch địa điểm tại thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tại quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm văn hoá thể thao và dân cư huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 21/09/2021 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập.

- Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 2) dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập.

- Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần3).

- Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần4).

- Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt (bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần 4).

- Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 15/05/2023 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần5)

- Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 02/08/2023 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần6)

- Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng Khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập (lần7)



***Hình 2: Hiện trạng khu đất xây dựng nhà văn hoá***

## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CÁC QUY HOẠCH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.**

Dự án được thực hiện tại thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan:

- Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 11/09/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000

- Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của UBND huyện Đình Lập về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm văn hoá thể thao và dân cư huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 10/05/2016 của UBND huyện Đình Lập quyết định về việc kiện toàn Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đình Lập trên cơ sở Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng khu trung tâm văn hoá, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập.

- Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 09/08/2021 của UBND huyện Đình Lập phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà văn hoá, quảng trường Khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập.

- Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Đình Lập quyết định phê duyệt dự án: Nhà văn hoá, Quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập.

- Văn bản số 2055/UBND-KTHT ngày 29/09/2023 của UBND huyện Đình Lập về



việc điều chỉnh thời gian thực hiện xây dựng dự án Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập.

- Quyết định số 326/QĐ-BQLDA ngày 26/09/2023 của BQLDA DTXD huyện Đình Lập quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập.

Dự án được thực hiện tại thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, Tỉnh Lạng Sơn không phát sinh quá nhiều loại chất thải. Chất thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. Với ý thức tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường chủ dự án luôn thực hiện các biện pháp BVMT trong suốt quá trình hoạt động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu:

- Đối với nước thải sinh hoạt thực hiện thu gom xử lý thông qua bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi xả ra trạm xử lý nước thải của thị trấn.

- Đối với nước mưa được bố trí các đoạn rãnh thoát nước mưa. Chủ dự án sẽ thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước định kỳ 01 tuần /lần.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt được bố trí thùng chứa hàng ngày và hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương (Công ty TNHH MTV Áo Xanh vận chuyển và đem đi xử lý)

- Đối với chất thải nguy hại: pin hỏng được bố trí thùng phi có dán nhãn khác biệt, thu gom, lưu trữ tạm thời.

## **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Dự án có tính chất hoạt động là dạy và học nên khối lượng phát sinh chất thải bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ bể xử lý nước thải. Theo dự kiến, tải lượng và thành phần ô nhiễm ít, không đáng kể.

Chủ dự án cũng đưa ra các biện pháp, xây dựng các công trình, lắp đặt các thiết bị nhằm giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm, hạn chế phát thải ra ngoài môi trường. Các biện pháp được đề cập chi tiết tại chương IV của báo cáo, chủ dự án đảm bảo chất lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

Do đó, việc thực hiện dự án không gây ảnh hưởng đến môi trường nền và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

### **CHƯƠNG III**

## **HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật**

#### **1.1. Chất lượng các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án**

Trong quá trình triển khai thực hiện, các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí, môi trường nước mặt và môi trường đất của dự án. Chất lượng các thành phần môi trường như sau:

##### ***1.1.1. Chất lượng môi trường không khí***

Khu vực thực hiện dự án tại Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn với đặc trưng địa hình bằng phẳng. Khu vực thực hiện dự án là nơi tập trung đông dân cư sinh sống, không tập trung nhiều ngành nghề thương mại công nghiệp. Do đó, chất thải vào môi trường không khí chủ yếu chịu ảnh hưởng từ phương tiện giao thông.

Để đánh giá hiện trạng thực tế môi trường khu vực, chủ dự án đã tiến hành lấy mẫu hiện trạng kết quả thể hiện tại bảng 3.4. Theo kết quả phân tích các mẫu khí xung quanh và tiếng ồn tại thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép.

##### ***1.1.2. Chất lượng môi trường nước mặt***

Quanh khu vực thực hiện dự án hiện nay không có sông, suối, ao, do vậy ta không đánh giá môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện dự án.

##### ***1.1.3. Chất lượng môi trường đất***

Khu vực thực hiện dự án đã có mặt bằng từ trước. Do vậy, tổng thể hiện trạng đất của dự án không bị tác động bởi các yếu tố gây ô nhiễm.

Để đánh giá hiện trạng thực tế môi trường khu vực, chủ dự án đã tiến hành lấy mẫu hiện trạng kết quả thể hiện tại bảng 3.6. Theo kết quả phân tích hiện trạng môi trường đất tại dự án cho thấy chất lượng đất chưa có dấu hiệu ô nhiễm, các thông số có nồng độ nằm trong giới hạn cho phép.

### **1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường có thể bị tác động do dự án**

Khu vực thực hiện dự án nằm trong khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, có nhiều dân cư sinh sống. Theo số liệu điều tra thực tế, tại khu vực thực hiện dự án có thảm thực

vật thứ sinh bao gồm các quần xã như những loại cỏ may, cỏ gừng và các dạng bụi thứ sinh.

Hệ động vật hiện nay trong khu vực dự án chủ yếu các loài chim sâu, sè, chích chòe, chào mào tự nhiên và một số loài lưỡng cư chuột, rắn, ếch, nhái, ... không nằm trong danh mục loài nguy cấp, quý hiếm, ưu tiên bảo vệ.

Khu vực dự án và xung quanh không có vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu dự trữ thiên nhiên khác, không có các công trình văn hóa, tôn giáo hay các di tích lịch sử.

Căn cứ số liệu điều tra hiện trạng khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường. Các loài thực vật, động vật không thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Do vậy, việc thực hiện dự án không gây tác động tới các yếu tố trên.

## **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

### **2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

#### **2.1.1. Đặc điểm về địa lý**

Dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập” có địa chỉ tại: Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn có diện tích đất sử dụng là 6.068 m<sup>2</sup> thuộc Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập sử dụng cho mục đích xây dựng nhà văn hoá, có các mặt tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông – Bắc giáp đường 31/10
- Hướng Đông - Nam giáp khu dân cư hiện trạng (Khu 8) và đồi BCHQS Huyện.
- Hướng Tây - Nam giáp đường Yên Lập
- Hướng Tây - Bắc giáp khu dân cư hiện trạng (Khu 7)

**Các điểm tọa độ theo bảng sau:**

**Bảng 3.1: Tọa độ ranh giới của dự án**

<b>Tên điểm</b>	<b>Tọa độ VN2000</b>		<b>Tên điểm</b>	<b>Tọa độ VN2000</b>	
	<b>X(m)</b>	<b>Y(m)</b>		<b>X(m)</b>	<b>Y(m)</b>
1	2384072	484013	5	2383957	484042
2	2384071	484017	6	2383958	484036
3	2383992	484081	7	2384036	483975

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập”*

4	2383988	484081	8	2384041	483975
---	---------	--------	---	---------	--------

*(Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư)*



**Hình 3: Sơ đồ vị trí thực hiện dự án.**

### **2.1.2: Đặc điểm địa hình**

Huyện Đình Lập nằm trên trục đường nối giữ thành phố Lạng Sơn và Quảng Ninh, nối đường biên giới Việt Trung với tỉnh Bắc Giang và các tỉnh Đông Bắc Bộ của Việt Nam.

Địa hình Đình Lập là đồi núi dốc theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi đất và các khe suối tạo thành các dải đất bằng hẹp.

Đình Lập là nơi bắt nguồn của 2 con sông lớn, sông Kỳ Cùng bắt nguồn từ xã bắc Xa, chảy theo hướng Đông Bắc qua Lộc Bình, thành phố Lạng Sơn, Thất Khê tới biên giới Trung Quốc, chiều dài chảy qua địa bàn Đình Lập khoảng 40Km; sông Lục Nam bắt nguồn từ xã Đình Lập, chảy về phía Nam tỉnh Bắc Giang, chiều dài sông chảy qua huyện là 50km.

Đình Lập có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm là 21,4<sup>0</sup>C, lượng mưa trung bình 1,448mm, độ ẩm trung bình là 62%.

Đình Lập có diện tích 1.187 km<sup>2</sup> và dân số 28.579 người, gồm các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao, Sán Chi. Đình Lập là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lạng Sơn, có hai trục quốc lộ Quốc lộ 4B chạy qua địa bàn huyện dài 42km nối Quảng Ninh xuyên

qua Lạng Sơn lên Cao Bằng và Quốc lộ 31 theo hướng Tây nam đi huyện Sơn Động (Bắc Giang) chạy qua trung tâm huyện, cách thành phố Lạng Sơn 50km về hướng Đông Nam.

Vị trí địa lý là một thế mạnh nổi bật của Đình Lập, thuận lợi cho việc giao lưu trao đổi hàng hóa, giữ gìn các tính và thúc đẩy các hoạt động thương mại du lịch trên địa bàn huyện.

### **3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án**

Để đánh giá cụ thể hiện trạng môi trường khu vực Dự án ở thời điểm hiện tại cũng như tạo cơ sở cho việc đánh giá những thay đổi đến môi trường khu vực Dự án trong tương lai của Dự án, Chủ Dự án đã kết hợp với Chi nhánh Công ty Cổ phần EJC tại Lạng Sơn và Công ty Cổ phần tập đoàn FEC là đơn vị đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường số VIMCERT 279) tiến hành lấy mẫu, đo đạc và phân tích chất lượng môi trường hiện trạng khu vực Dự án và vùng tiếp giáp có dự báo là vùng chịu ảnh hưởng từ Dự án, dựa theo các văn bản ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình quan trắc.

- *Thiết bị quan trắc tại hiện trường:*

- + Bơm lấy mẫu bụi
- + Máy đo tiếng ồn rion
- + Thiết bị lấy mẫu khí;
- + Máy định vị tọa độ GPS Map 78;
- + Máy đo vi khí hậu Testo .

- *Thiết bị phân tích phòng thí nghiệm:*

- + Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UVis 2800;
- + Tủ FTC90E BOD, HACH – Hoa kỳ;
- + Máy cất đạm Kjeldahl, Buret;
- + Tủ âm, tủ sấy;
- + Thiết bị đo đa chỉ tiêu Horiba;
- + Các thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm.

#### ***Bảng 3.2: Phương pháp lấy mẫu và phân tích các thông số về hiện trạng chất***

**lượng môi trường không khí, đất, nước tại khu vực Dự án**

TT	Thông số	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp phân tích
<b>Môi trường không khí</b>			
1	Nhiệt độ <sup>(*)</sup>	Theo thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định về quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	QCVN 46:2022/BTNMT
2	Tốc độ gió <sup>(*)</sup>		QCVN 46:2022/BTNMT
3	Tiếng ồn <sup>(*)</sup>		TCVN 7878-2:2018
4	NO <sub>2</sub>		TCVN 6137: 2009.
5	SO <sub>2</sub>		TCVN 5971: 1995.
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(*)</sup>		TCVN 5067: 1995.
7	CO		TN/K.06.
<b>Môi trường đất</b>			
1	Asen (As)	Theo thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010
2	Cadimi (Cd)		US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010
3	Thủy ngân (Hg)		US EPA Method 3051A + SMEWW 3112B:2023
4	Đồng (Cu)		US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B
5	Sắt (Fe) <sup>(***)</sup>		US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B

Quá trình đo đạc và lấy mẫu được thực hiện trong điều kiện trời nắng và mẫu được bảo quản trước khi vận chuyển về Phòng thí nghiệm (*Biên bản lấy mẫu được đính kèm phụ lục*). Vị trí lấy mẫu được thể hiện dưới bảng sau:

**Bảng 3.3: Các vị trí đo đạc, lấy mẫu**

TT	Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Thời gian lấy mẫu	Thời gian phân tích
I	<b>Môi trường không khí</b>				
	KXQ	Tại vị trí thực hiện dự án	X=21.550215, Y=107.097295	29/03/2024	29/03/2024 đến 08/04/2024
	<b>Đất</b>				
II	Đ	Tại vị trí thực hiện dự án	X=21.550968, Y=107.098635	29/03/2024	29/03/2024 đến 08/04/2024

### 3.1. Chất lượng môi trường không khí

Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của khu vực thực hiện Dự án (chi tiết được đính kèm phụ lục báo cáo) được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3.4: Chất lượng không khí xung quanh khu vực dự án**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.01	KXQ.02	KXQ.03	Trung bình 1 giờ <sup>(1)</sup>
1	Nhiệt độ <sup>(*)</sup>	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	25,0	27,5	26,0	-
2	Tốc độ gió <sup>(*)</sup>	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	<0,6	-
3	Tiếng ồn <sup>(*)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	51,1	65,5	55,3	70 <sup>a</sup>
4	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009.	44	51	48	200
5	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995.	60	61	67	350

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập*

6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(*)</sup>	µg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995.	170	177	172	300
7	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	TN/K.06.	4.258	4.636	4.228	30.000

*(Nguồn: Công ty Cổ phần tập đoàn FEC)*

**Ghi chú:**

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí ;
- (1): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn;
- KTH: Không thực hiện; - " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

**Nhận xét:** Kết quả phân tích cho thấy: Tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, chất lượng không khí khu vực dự án tương đối tốt.

**3.3. Chất lượng môi trường đất**

Qua quá trình khảo sát hiện trạng môi trường khu vực để lập báo cáo, nhóm khảo sát đã tiến hành lấy mẫu đất tại khu vực dự án. Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

***Bảng 3.5: Chất lượng môi trường đất của Dự án***

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03-MT:2023/BTNMT
----	----------	--------	-----------------------	---------	-----------------------



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập

				<b>Đ.01</b>	<b>Đ.02</b>	<b>Đ.03</b>	<b>Giá trị giới hạn - Loại 1</b>
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	8,8	6,9	12,0	25
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	KPH (MDL= 0,03)	KPH (MDL=0, 03)	<0,09	4
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL= 0,15)	KPH (MDL=0, 15)	0,73	12
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	10,2	8,7	15,3	150
5	Sắt (Fe) <sup>(***)</sup>	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	16.510	14.844	27.066	-

**Ghi chú :**

- QCVN 03:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- KTH: Không thực hiện; - " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (\*\*\*) : Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

**\* Đánh giá sự phù hợp của địa điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án**

Qua các kết quả phân tích môi trường đất, không khí xung quanh. Nhận thấy khu vực thực hiện dự án có chất lượng môi trường tốt, chưa có



## **CHƯƠNG IV**

### **ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:**

##### **1.1. Công trình xử lý nước thải**

##### **1.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu đối với nước mưa chảy tràn**

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn ra khu vực xung quanh, dự án sẽ thực hiện các biện pháp:

- Bố trí rãnh thoát nước mưa đồng thời với đường thoát nước thải xây dựng xung quanh các khu vực thi công (tương tự biện pháp xử lý nước thải thi công). Toàn bộ nước mưa chảy tràn sẽ được dẫn về hệ thống thu gom tạm, xử lý qua hố lắng để lắng cặn, sau đó theo rãnh thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Vệ sinh mặt bằng thi công mỗi cuối ngày làm việc, thu gom rác thải nhằm giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn.

- Không vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu trong những ngày mưa, tránh vật liệu bị nước mưa cuốn trôi.

- Quản lý dầu mỡ, vật liệu độc hại theo đúng quy định.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu: Tiến hành đào đắp, xây dựng đến đâu, thu dọn mặt bằng ngay đến đó.

Đối với nước thải thi công, chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu, như sau:

+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

+ Yêu cầu nhà thầu thi công gọn, giữ vệ sinh mặt bằng sau mỗi ca làm việc.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Đối với nước từ hoạt động vệ sinh dụng cụ thi công (bay, xẻng, xô,...): Đây là các dụng cụ nhỏ, dễ làm sạch do vậy bố trí khoảng 2 thùng phuy chứa nước dung tích 200 lít phục vụ vệ sinh các dụng cụ thi công, sau đó nước này được tận dụng cho công

tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Bố trí 01 cầu rửa xe mỗi có 01 bể lắng 02 ngăn kích thước mỗi ngăn lắng là (3x2x1)m để lắng đất cát và lọc dầu mỡ bằng vải lọc dầu chuyên dụng (vải lọc dầu được định kỳ thu gom cùng CTNH), nước thải sau lắng sẽ được tái sử dụng để tiếp tục rửa xe và không thải ra ngoài môi trường. Định kỳ 1 tuần/lần thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi bùn cặn lắng từ hố lắng tại cầu rửa xe đầy. Bùn lắng sau khi được nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi đổ bỏ theo đúng quy định.

### ***1.1.2 Công trình, biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt***

Tổng lưu lượng nước cấp là 3,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp bằng 3,4 m<sup>3</sup>/ ngày đêm (Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải thi công)

- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý trước khi thải ra môi trường, đảm bảo hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước sau khi xử lý nằm trong giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

- Sử dụng công nhân địa phương, có điều kiện tự túc ăn ở. Tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công.

Với lưu lượng nước thải 2,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nước thải sinh hoạt phát sinh - Theo tính toán tại chương I) chủ dự án dự kiến lắp đặt 2 nhà vệ sinh di động 2 buồng đủ đáp ứng cho nhu cầu của quá trình sinh hoạt của CBCNV của Dự án. Chủ dự án thuê hoặc mua trên thị trường các nhà vệ sinh di động. Hiện nay trên thị trường khá phổ biến loại nhà vệ sinh di động composite chuyên phục vụ cho công trường thi công,...

- Đối với dự án này, chủ đầu tư dự kiến sẽ lựa chọn các nhà vệ sinh di động có các thông số kỹ thuật sau: Kích thước tổng thể (sâu x rộng x cao) = 130 x 90 x 250 (cm);

- Sản phẩm được thiết kế hoàn chỉnh, đồng bộ và gọn nhẹ, sau khi cấp điện và nước có thể sử dụng ngay mà không cần lắp đặt thêm bất cứ thiết bị nào khác, sản phẩm này có ưu điểm là có thể dễ dàng di chuyển. Sản phẩm có cấu tạo thân thiện và đơn giản, dễ dàng lắp đặt và vệ sinh hàng ngày.

- Trong quá trình sử dụng, để hạn chế phát sinh mùi hôi thối, có thể bổ sung các

chế phẩm E.M để tăng cường hiệu quả xử lý. Định kỳ khoảng 3-5 tháng bổ sung 1 lần theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Chất thải từ nhà vệ sinh di động dự kiến thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý định kỳ (Khoảng 3-5 ngày/ lần). Không phát thải ra ngoài môi trường.

- Giảm thiểu lượng nước thải bằng việc tuyển dụng công nhân địa phương, có điều kiện tự túc ăn ở. Tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công.

## **1.2. Công trình lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

### **1.2.1. Chất thải rắn xây dựng.**

- CTR phát sinh trong quá trình xây dựng là các loại phế thải, vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình xây dựng: gạch, sắt thép vụn, bao bì, chai, lọ... những chất thải này gây cản trở trong xây dựng, đi lại và làm mất an toàn trong thi công. Để giảm thiểu tác động, Chủ dự án thực hiện quản lý chất thải rắn theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quản lý chất thải, cụ thể như sau:

- Phân loại CTR thi công tại nguồn.

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu, giáo dục, tăng cường nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý, giám sát công trình.

- Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư có thể tận dụng cho việc san lấp mặt bằng.

- Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa,... bán cho đơn vị thu mua.

- Các phế liệu còn sót lại như mẫu gạch, đá vụn... được thu gom về bãi thải trong khu vực dự án sau đó tận dụng lượng phế liệu này để đắp nền đường cùng với lượng đất đắp.

- Che chắn các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng nhằm hạn chế phát sinh vật liệu rơi vãi trên đường.

- Phân công công nhân vệ sinh thu gom chất thải rắn phát sinh.

- Sau khi tái sử dụng toàn bộ đất đào và một phần chất thải rắn xây dựng cho công trình, các chất thải rắn xây dựng còn thừa (vụn vữa, giấy, bao bì...) sẽ thuê đơn vị có

chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo về thông số kỹ thuật, tránh lẫn tạp chất và chất lượng thấp sẽ làm gia tăng khối lượng CTR trong giai đoạn này do loại bỏ tạp chất, dễ hỏng vỡ.

- Sử dụng các loại xe vận chuyển có chất lượng tốt và phải có bạt che tránh rơi vãi. Nếu xảy ra tình trạng rơi vãi đất đá, cát sỏi,... trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu sẽ tiến hành dọn dẹp, thu gom sạch sẽ, tránh gây ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông.

Tổng khối lượng nguyên vật liệu cung cấp cho dự án là 8.566,3 tấn. Căn cứ vào giáo trình quản lý và xử lý CTR, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng, 2008 và số liệu thực tế một số dự án tương tự khi thi công các công trình xây dựng, khối lượng CTR trong quá trình thi công ước tính bằng 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu (gồm nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn và nguyên liệu rơi vãi) có khối lượng khoảng:  $0,01\% \times 8.566,3 = 0,8566$  tấn.

Lượng chất thải này là không nhiều, vì vậy chủ dự án sẽ tận dụng để đầm nền và đắp kè khu vực khuôn viên cây xanh.

### **1.2.2. Chất thải rắn sinh hoạt**

Lượng công nhân thi công của dự án khoảng 40 người, ước tính lượng rác phát sinh là 0,5 kg/người/ngày. Do vậy rác thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công là 20kg/ngày chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Tại công trường: Sử dụng chung thùng chứa rác thải sinh hoạt cho toàn bộ CBCNV làm việc tại dự án.

+ Đối với rác là kim loại, nhựa, lon được thu gom và bán phế liệu.

+ Đối với rác thải sinh hoạt khác (không tái sử dụng được): Chủ đầu tư hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (Công ty TNHH MTV Áo Xanh)  
Tần suất thu gom: 1 ngày

- Lập nội quy tại công trường, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong mỗi người công nhân lao động.

- Bên cạnh đó chủ dự án tuyên truyền giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh của công nhân xây dựng, tránh việc vứt rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan.

### **1.2.3. CTNH**

- Quản lý CTNH theo đúng các quy định hiện hành về CTNH.

- Thùng chứa CTNH là thùng chứa có nắp, có bánh xe để thuận tiện di chuyển và được dán nhãn phân loại. Chủ dự án thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom khi lượng chất thải đạt khối lượng (Không lưu trữ quá 1 năm).

- Bố trí 03 thùng chứa CTNH loại 100L, có nắp đậy, có bánh xe.

- Thuê 1 thùng contener loại 5 m<sup>3</sup> để chứa CTNH, bố trí thùng chứa đặt gần lán trại, khu vực thi công.

- Ngoài ra, quy định cấm tuyệt đối các đơn vị thi công không được đốt các rác thải, giẻ lau có thấm dầu, dầu cặn, dầu thừa làm ô nhiễm không khí khu vực Dự án và nguy cơ gây hỏa hoạn.

### **1.3: Công trình xử lý bụi và khí thải.**

Trong giai đoạn này, để hạn chế giảm thiểu những tác động tiêu cực tới môi trường không khí, các biện pháp được áp dụng như sau:

- Khi thi công xây dựng, phá dỡ, thực hiện che chắn bằng các tấm lưới/tấm tôn/tấm bạt để hạn chế bụi, vật liệu thi công phát tán ra bên ngoài môi trường và ảnh hưởng tới dân cư xung quanh khu vực Dự án.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu không được chở quá tải, cần che chắn tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi ra môi trường.

- Nguyên vật liệu sử dụng cho khu vực Dự án được phủ kín hạn chế gió phát tán bụi vào môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Không bốc dỡ, phá dỡ vào cách ngày mưa, gió lớn.

- Nếu bốc dỡ trong những ngày nắng nóng sẽ kết hợp tưới nước dập bụi.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trực tiếp.

- Công nhân thi công xây dựng, chấp hành đúng nội quy công trường và an toàn lao động.

- Yêu cầu xe, phương tiện, máy móc, thiết bị thi công có đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật môi trường do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp, người điều khiển phải có Giấy phép lái xe, chứng chỉ đào tạo quy định. Thực hiện các biện pháp an toàn giao thông khi cho xe lưu thông trên đường.

- Đảm bảo tốc độ vận chuyển khi tham gia giao thông.

- Điều phối xe tải và các máy móc thi công hợp lý, không hoạt động tập trung, và đồng thời để hạn chế thải ra môi trường lượng khí thải quá lớn trong cùng một thời điểm.

- Chọn nguồn cung cấp vật liệu trong khu vực thị trấn Đình Lập và một số khu vực lân cận để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu, nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận tải và thiết bị thi công.

- Khuyến khích nhà thầu xây dựng sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường giảm thiểu phát thải khí thải độc hại ra môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của các động cơ

- Không được chở quá trọng tải qui định;

- Trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân như mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động...

#### **1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Chủ dự án phối hợp nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.



Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung trong quá trình xây dựng đến khu vực xung quanh, các máy móc gây tiếng ồn lớn như máy gạt, máy xúc, máy ủi,... không được khai thác vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công. Thời gian thi công hoạt động từ khoảng khung giờ sau 06h00-11h30 và 13h00-18h00.

### **1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

#### **1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến trật tự, an ninh xã hội**

Chủ đầu tư cũng đề xuất các biện pháp khác phối hợp để hạn chế các tác động mang tính xã hội đối với công nhân lao động tại công trường và cộng đồng dân cư tại xã. Cụ thể:

- Sử dụng các công nhân địa phương. Nếu trong trường hợp là công nhân từ nơi khác đến, cần khai báo tạm trú cho công nhân từ nơi khác đến với chính quyền sở tại.
- Quan tâm đến ý kiến cộng đồng về kế hoạch thực hiện Dự án cũng như thông báo cho chính quyền và người dân địa phương kế hoạch triển khai Dự án.
- Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện Dự án.

#### **1.5.2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông**

Trong giai đoạn thi công, lượng xe vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công dự án không quá lớn. Để hạn chế các tác động có thể xảy ra như: ùn tắc giao thông khu vực, tai nạn giao thông. Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Hạn chế tần suất, mật độ phương tiện vận tải trong giờ cao điểm, tại các điểm giao cắt hay tuyến đường có mật độ giao thông cao.
- Hạn chế các phương tiện tập trung cùng một thời điểm.
- Người lái và điều khiển ô tô, máy thi công phải qua đào tạo có giấy phép lái xe và chứng chỉ quy định.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các xe vận chuyển.
- Lắp đèn, biển báo, thanh chắn và các thiết bị điều khiển khác để điều hành chỉ dẫn giảm ách tắc giao thông tại các vị trí cần thiết.

## **2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

### **2.1. Công trình xử lý nước thải.**

#### **2.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu đối với nước mưa chảy tràn**

- Dự án bố trí các đoạn rãnh thoát nước mưa dọc theo tuyến đường trong dự án để thu gom nước mưa chảy từ mái nhà và mặt đường.

- Nước mưa trên các mái nhà được thu gom theo đường ống nhựa PVC D110 chảy xuống các rãnh thoát.

- Nước mặt sân đường nội bộ sẽ tự thoát dọc theo các trục đường.

- Rãnh thoát nước mưa được thoát trực tiếp vào rãnh thoát nước chung khu vực.

\* *Thoát nước Quảng trường:*

- Rãnh thoát nước quảng trường được xây dựng là rãnh thoát nước B300 có tổng chiều dài 224m, độ dốc 0,3%, cống tròn đầu nổi D400 có chiều dài 10m.

- Quanh khu quảng trường có xây dựng 10 hố ga 05 loại hố, có kích thước (1,04x1,04x 1,24)m, 5 loại được thiết kế như sau:

+ Hố ga loại 1 có 1 bên được nối với rãnh B300, đáy hố láng vữa XM mác 75#, dày 20 bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 150 đất tự nhiên đầm chặt, mặt trong lát vữa XM mác 75#, dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#, một đầu nối với rãnh B300 xây dựng như sau: Lãng vữa XM mác 75#, dày 20 bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 100 đất tự nhiên đầm chặt. Tấm đan nắp ga bằng BTCT mác 200# dày 100, tấm đan rãnh B300 BTCT mác 200# dày 100.

+ Hố ga loại 2 có 2 đầu nối với rãnh B300, đáy hố láng vữa XM mác 75#, dày 20 bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 150 đất tự nhiên đầm chặt, thành hố lát vữa xi măng mác 75#, dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#. Tấm đan nắp hố ga bằng BTCT mác 200# dày 100. Tấm đan rãnh B300 bằng BTCT mác 200# dày 100.

+ Hố ga loại 3 có một đầu nối với rãnh B300, đáy hố láng vữa XM mác 75# dày 20, bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 150 đất tự nhiên đầm chặt, thành hố ga lát vữa xi măng mác 75#, dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#. Tấm đan, nắp đan hố ga bằng BTCT mác 200# dày 100. Tấm đan rãnh B300 bằng BTCT mác 200# dày 100.

+ Hố ga loại 04 có 3 mặt nối với rãnh B300 đáy hố láng vữa XM mác 75# dày 20,

bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 150 đất tự nhiên đầm chặt, thành hố ga trát vữa xi măng mác 75#, dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#. Tấm đan, nắp đan hố ga bằng BTCT mác 200# dày 100. Tấm đan rãnh B300 bằng BTCT mác 200# dày 100.

+ Hố ga loại 5 có 3 mặt nối với rãnh B300 đáy hố láng vữa XM mác 75# dày 20, bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 150 đất tự nhiên đầm chặt, thành hố ga trát vữa xi măng mác 75#, dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#. Tấm đan, nắp đan hố ga bằng BTCT mác 200# dày 100. Tấm đan rãnh B300 bằng BTCT mác 200# dày 100.

- Rãnh thoát nước B300 xây kín, đáy rãnh được xây dựng như sau: Lòng láng vữa XM mác 75#, dày 20, bê tông đá 2x4 mác 150#, dày 100 đất tự nhiên đầm chặt, bên trong thành rãnh trát vữa xi măng mác 75# dày 15 xây gạch đặc vữa xi măng mác 75#. Chiều cao rãnh 550mm, nắp tấm đan rãnh B300 bằng BTCT mác 200# dày 100. Số lượng 297 cái.

*\*Thoát nước nhà văn hoá:*

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng D90, D110 đến tầng 1 sau đó dẫn ra mạng lưới thoát nước ngoài nhà.

- Nước mưa bề mặt chảy vào các rãnh thoát.

- Rãnh thoát nước khu nhà văn hoá được xây dựng là rãnh thoát có tấm đan B300 xây gạch có tổng chiều dài 156m, độ dốc 0,3%, tấm đan composit có tiết diện 800x400.

- Hố ga thu nước mưa bao gồm 3 loại, hố ga loại I gồm GM1, GM3, GM5, GM7 hố ga thoát nước mưa loại II gồm GM2, GM6 và hố ga thoát nước mưa loại III gồm GM4 và GM8.

+ Hố ga loại I có một mặt đầu nối với rãnh B300, lớp cuối cùng là cát đệm bên trên được dải lớp ni lông, tiếp theo là lớp bê tông đá 1x2 mác 200, trên cùng là trát VXM mác 75 dày 1,5cm. Nắp hố ga là tấm composit 800x 800.

+ Hố ga loại II có 2 mặt nối với rãnh B300, lớp cuối cùng là cát đệm bên trên được dải lớp ni lông, tiếp theo là lớp bê tông đá 1x2 mác 200, trên cùng là trát VXM mác 75 dày 1,5cm. Nắp hố ga là tấm composit 800x 800.

+ Hố ga loại III có 2 mặt nối với rãnh B300, lớp cuối cùng là cát đệm bên trên được dải lớp ni lông, tiếp theo là lớp bê tông đá 1x2 mác 200, trên cùng là trát VXM mác 75 dày 1,5cm. Nắp hố ga là tấm composit 800x 800.

Tổng hợp kích thước bể xử lý nước mưa, như sau:

**Bảng 4.1: Kích thước bể xử lý nước mưa**

TT	Tên gọi - quy cách	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thoát nước nhà văn hoá</b>		
1	Ga nước mưa 600x600	Ga	8
2	Rãnh tám đan B300 xây gạch	m	156
3	Cống BTCT D300	m	10
4	Đế cống BTCT D300	Cái	16
<b>II</b>	<b>Thoát nước quảng trường</b>		
1	Rãnh xây B300	m	224
2	Cống tròn đầu nổi D400	m	10
3	Họng phun nước	Bộ	5
4	Hố ga	Hố	9

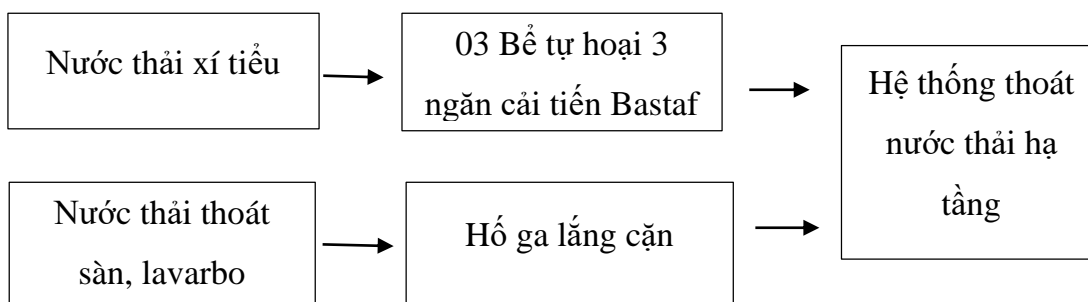
- Hệ thống thoát nước mưa nội bộ được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Ngoài ra, chủ dự án sẽ thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước định kỳ 06 tháng/lần (tần suất thay đổi vào mùa mưa có thể tăng 01 tháng/lần).

Như vậy chất lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đã phần nào được kiểm soát cũng như nhằm phòng ngừa rủi ro, sự cố môi trường xảy ra.

#### **2.1.2: Công trình, biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt**

Tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt của dự án là 8,8 m<sup>3</sup>/ngày (theo tính toán ở chương I). Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp (Theo điểm a, mục 1, điều 39, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải), do đó lượng nước thải sinh hoạt là khoảng 8,8 m<sup>3</sup>/ngày.

Chủ dự án thực hiện thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



**Hình 4: Quá trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.**

- Nước thải xí tiêu tại khu nhà được xử lý như sau: Nước thải từ bồn vệ sinh được chảy về bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf nằm dưới khu nhà có thể tích 10,626 m<sup>3</sup>(2,8 x 2,3 x 1,65)m bằng đường ống D110 có tổng chiều dài toàn khu là 68m, thoát vào bể tự hoại. Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại được chuyển sang mạng lưới thốt nước bên ngoài qua đường ống UPVC D110.

- Nước thải thoát sàn, lavatarbo của khu nhà chảy về hố ga lắng cặn bằng đường ống D90 có tổng chiều dài cho toàn khu nhà là 276m, hố ga thu nước có tiết diện 600x 600, sau đó chảy về hệ thống thoát nước thải hạ tầng.

**Bảng 4.2: Kích thước chi tiết các bể xử lý nước thải**

TT	Tên công trình	Số lượng	Kích thước			Thể tích (m <sup>3</sup> )	Hiện trạng
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)		
<b>I</b>	<b>Khu nhà văn hoá</b>						
1	Bể tự hoại BASTAF	3	2,8	2,3	1,65	10,626	Xây mới
2	Hố ga	2	0,72	0,72	1,08	0,56	Xây mới
3	Ống UPVC D110	-	68	-	-	m	-
4	Ống UPVC D90	-	276	-	-	m	-
5	Ống UPVC D140	-	60	-	-	m	-
6	Ống UPVC D125	-	27	-	-	m	-

**\* Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các công trình:**

**-Bể tự hoại cải tiến BASTAF:**

Bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf được xây dựng như sau:Tầng cuối là đất thiên nhiên đầm chặt, sau đó là lớp bê tông đá 4\*6 mác 150# dày 100, sàn đáy bể dày 100 bê tông mác 200#, sau đánh màu bằng xi măng nguyên chất, láng vữa xi măng mác 75# dày 20, bên trên có sàn nắp bể dày 100 bê tông mác 200#. Trên nắp bể có thiết kế chừa lỗ D200 có nắp đậy bằng gang.

Bể tự hoại cải tiến BASTF là bể phản ứng kỵ khí, sử dụng các ngăn lọc kỵ khí với vách ngăn mỏng giúp điều hoà lưu lượng nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải ngăn chặn sự lắng đọng của chất thải. Quá trình hoạt động của bể góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn kỵ khí có ích phát triển trong từng giai đoạn, tăng

thời gian lưu bùn.

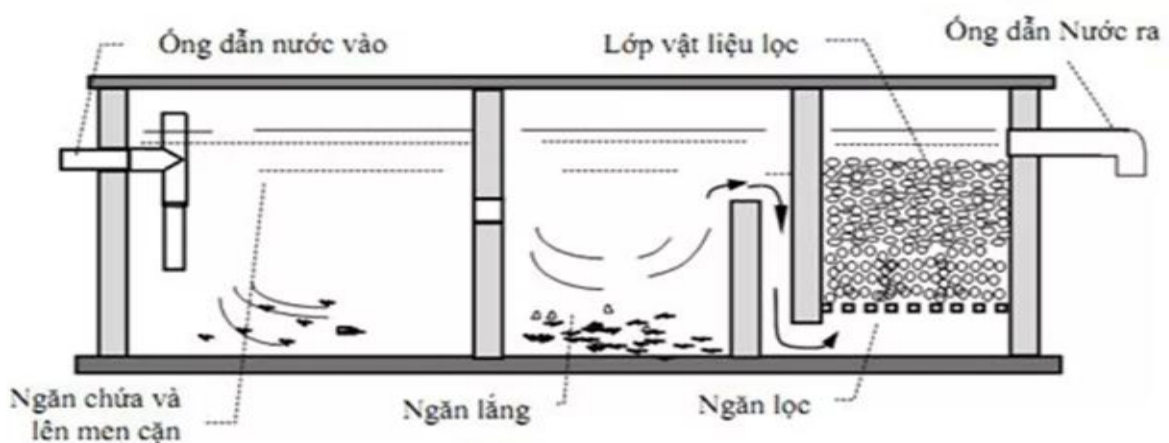
Hiệu quả xử lý hiệu suất hoạt động của bể BASTAF là BOD<sub>5</sub> đạt 71 đến 85%, hàm lượng chất lơ lửng SS đạt đến 75%, COD đạt 75 đến 90%, TSS đạt 75% đến 95%.

Cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn cải tiến BASTAF: Gồm 3 ngăn tương ứng với 3 chức năng chính là chứa - lọc - lắng.

Ngăn chứa: Là nơi mà những chất thải sau khi không sử dụng sẽ xả trực tiếp vào và diễn ra quá trình phân huỷ trong đó. Những chất thải có thể phân huỷ thì sau một thời gian chúng sẽ trở thành bùn. Trong khi đó những chất thải khó phân huỷ thì sẽ bị đọng lại. Đây là ngăn chứa có diện tích lớn nhất trong 3 ngăn của bể Bastaf. Do đảm nhận nhiệm vụ chứa chất thải từ khi chưa phân huỷ nên diện tích chúng lớn bằng 2 ngăn còn lại cộng với nhau.

Ngăn lọc: Đây là nơi mà những chất thải sau khi được xử lý ở ngăn chứa sẽ nằm ở vị trí này. Ngăn lọc của bể tự hoại 3 ngăn cải tiến có chức năng lọc các chất thải lơ lửng và chúng chiếm ¼ thể tích của toàn bộ bể tự hoại cải tiến.

Ngăn lắng: Ngăn lắng là nơi dự trữ những chất thải không phân huỷ từ ngăn chứa. Diện tích của ngăn này cũng bằng diện tích của ngăn lọc, tức chiếm ¼ tổng thể tích bể tự hoại 3 ngăn cải tiến BASTAF.



**Hình 5: Mô hình bể tự hoại 3 ngăn cải tiến Bastaf**

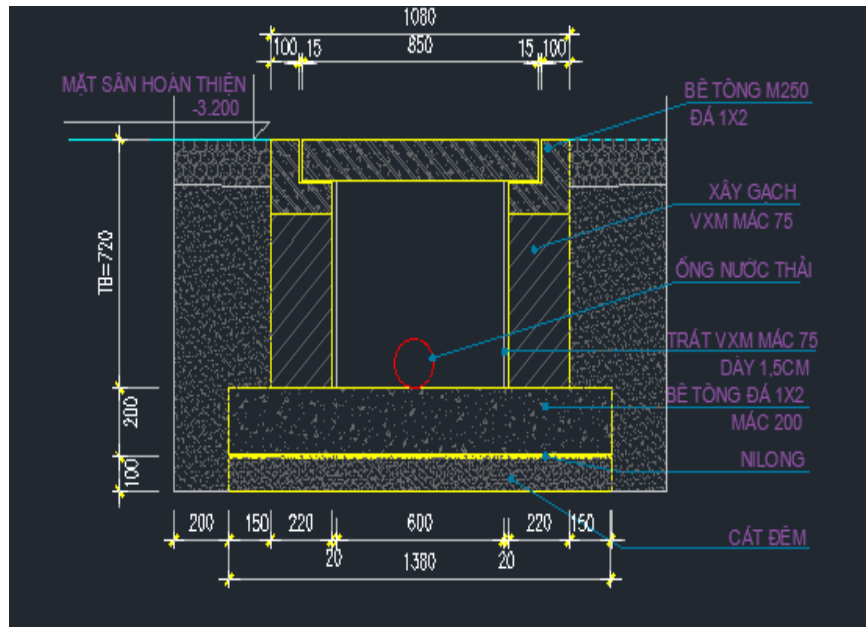
**Nguyên lý hoạt động:** Chất thải sau khi vệ sinh, xả thải thì sẽ được dẫn theo đường ống D90, D110 xuống ngăn chứa của bể BASTAF. Những chất có thể phân huỷ như đạm, chất béo, nước tiểu,... sẽ được phân huỷ ngay tại đây còn những chất không thể phân

huỷ sẽ được chuyển sang ngăn lắng. Những chất khó phân huỷ như tóc, kim loại, nhựa nằm trong ngăn lắng khi gặp điều kiện thuận lợi (về nhiệt độ, lưu lượng dòng chảy, tải trọng chất thải, cấu tạo và vi khuẩn trong nước) sẽ có thể tự chuyển hoá thành chất khí.

Với quá trình xử lý nước sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến này, những chất thải sau khi được xử lý sẽ giảm được thể tích cũng như mùi hôi thối đáng kể.

- *Hố ga lắng cặn:*

Hố ga lắng cặn được xây dựng như sau: Đầu tiên rải lớp cát đệm, bên trên có phủ lớp nilong, lớp bê tông đá 1x2 mác 200, trên cùng trát lớp VXM mác 75 dày 1,5cm, thành xây gạch VXM mác 75, nắp hố ga là lớp bê tông M250 đá 1x2, bên trong hố có nối đường ống dẫn nước thải.



**Hình 6: Mô hình hố ga lắng cặn**

**Nguyên lý làm việc:** Khi dòng nước thải chảy qua, nước thải sẽ chảy vào 2 ống nhựa PVC, chuyển sang đường ống và tiếp tục chảy qua hố ga tiếp theo. Hố ga có nhiệm vụ là luân chuyển nước thải, những chất thải rắn như bùn, đất cát sẽ lắng đọng lại dưới đáy hố, tránh tình trạng tắc nghẽn. Nước sau khi thoát ra ngoài đi đến đường cống của khu vực sẽ sạch hơn.

## 2.2. Công trình xử lý Bụi, khí thải

### \* *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông*

Khi dự án đi vào hoạt động, các loại phương tiện ra vào dự án sẽ làm gia tăng khối bụi với thành phần gây ô nhiễm chủ yếu là các chất khí thoát ra từ quá trình đốt cháy

nhiên nhiên như bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,... Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để khắc phục nguồn ô nhiễm này:

- Toàn bộ mặt bằng sân bãi của dự án được bê tông hóa, vệ sinh thường xuyên và tưới nước nhằm giảm bụi, cát bị cuốn bay vào trong không khí.

- Ban hành quy định đối với tốc độ xe, tải trọng xe khi ra vào dự án.

- Không cho xe nổ máy (đối với xe máy) đi vào khu vực sân trường.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án nhằm hấp thụ ánh nắng, giảm ồn và giảm bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

**\* Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải và khu tập kết rác thải**

- Nước thải sinh hoạt và nước mặt được xây dựng thiết kế riêng biệt. Mùi từ nước thải sinh hoạt có thể thoát ra từ các miệng cống thu nước thải gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh vì vậy chủ dự án sẽ có các biện pháp xây dựng hợp lý để giảm thiểu các tác động của mùi này.

- Tiến hành hướng dẫn phân loại CTR ngay từ nguồn thải. Thu gom CTR từ các khu vực dự án. Bố trí các thùng chứa chất thải.

- Hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng đến để thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý. Tần suất 1 lần/ngày.

### **2.3. Chất thải rắn**

#### **2.3.1. CTR sinh hoạt:**

Trong giai đoạn hoạt động ổn định của dự án, chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV và người dân đến tham gia hoạt động tại nhà văn hoá. Lượng rác thải phát sinh bao gồm: Rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, hồng, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, kim kẹp,...).

**Bảng 4.3: Lượng CTR phát sinh lớn nhất trong ngày**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Tiêu chuẩn (kg)</b>	<b>Số người</b>	<b>Tổng CTR</b>
1	CBCNV làm việc tại dự án	0,5	20	10
2	Người dân đến tham gia hoạt động tại nhà văn hoá	-	360	30



<b>Tổng</b>	<b>40kg</b>
-------------	-------------

- Lượng chất thải sinh hoạt chứa chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, sẽ không gây nguy hại với môi trường nếu có biện pháp xử lý thích hợp.

- Chất thải rắn sinh hoạt của dự án yêu cầu thực hiện phân loại tại nguồn:

+ Chất thải có khả năng tái sử dụng: vỏ hộp, thùng chứa,... khuyến khích tái sử dụng.

+ Chất thải có khả năng tái chế: thùng carton, túi nilon, nhựa, giấy, kim loại,... khuyến khích bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.

+ Đối với thức ăn thừa: Ban quản lý nhà trường sẽ liên hệ với cá nhân, tổ chức có nhu cầu thu gom thức ăn thừa đến thu gom tại khu bếp ăn để tận dụng cho chăn nuôi. Biện pháp này vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa giảm được lượng chất thải phát sinh của dự án đưa về khu xử lý phía sau.

+ Đối với các loại chất thải khác: Chủ dự án bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải.

- Thành lập tổ vệ sinh thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh, tiến hành phân loại và quản lý các loại theo quy định.

- Tại khu vực các phòng ban bố trí thùng rác loại 50L, nhà ban quản lý, số lượng khoảng 10 chiếc.

- Bố trí 02 thùng nhựa loại 220L, có nắp đậy, có bánh xe để di chuyển và lưu chứa chất thải sinh hoạt phát sinh. Vị trí các thùng chứa đặt tại vị trí trước khu vực nhà văn hoá.

- Phối hợp với công ty TNHH MTV Áo Xanh thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý. Tần suất 1 lần/ngày.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của CBCNV và HSSV nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, hạn chế gây ô nhiễm.

### 2.3.2. Chất thải nguy hại

\*Số lượng CTNH phát sinh

**Bảng 4.4: Chất thải nguy hại phát sinh**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/ năm)	Mã CTNH
1	Pin hỏng	Rắn	18	16 01 12

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/ năm)	Mã CTNH
	<b>Tổng</b>		<b>18kg/ năm</b>	

*\*Biện pháp giảm thiểu*

- Ước tính khối lượng chất thải phát sinh khoảng **18 kg/ năm** (Theo thông kê tại bảng 4.3). Chủ dự án thực hiện các biện pháp như sau:

- Quản lý CTNH theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phân loại chất thải nguy hại phát sinh, không để chất thải nguy hại lẫn với các nguồn chất thải nguy hại khác làm gia tăng khối lượng chất thải nguy hại.

- Bố trí 01 thùng phi có nắp đậy, dung tích 100L, trên có dán nhãn, có mã CTNH đựng riêng chất thải nguy hại, các thùng phi này được lưu trữ tại kho lưu trữ CTNH có diện tích 3m<sup>2</sup> (1,5m x 2m) có mái che, có biển tên theo quy định đặt tại khu vực nhà kho của dự án.

- Chủ dự án bàn giao quản lý thuê đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

#### **2.4. Nguồn không liên quan đến chất thải**

##### **2.4.1: Tiếng ồn, độ rung:**

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Ban hành quy định đối với tốc độ xe, tải trọng xe khi ra vào dự án.
- Không cho xe nổ máy khi di chuyển vào trong khu vực sân nhà văn hoá;
- Không dùng còi trong khu vực dự án;
- Trồng cây xanh xung quanh dự án nhằm hấp thụ ánh nắng, giảm ồn và giảm bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

##### **2.4.2: Sự cố giao thông**

- Đề ra những quy định cụ thể về khu vực để xe.
- Tuyên truyền an toàn giao thông cho toàn bộ nhân viên
- Khi xảy ra tai nạn giao thông tổ chức sơ cấp cứu tại chỗ theo đúng hướng dẫn, và

nhanh chóng đưa người bị nạn đi cấp cứu. Cử người giữ nguyên hiện trường và làm việc với cơ quan chức năng.

## **2.5. Sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động**

### **2.5.1. Sự cố cháy nổ, phòng cháy chữa cháy.**

- Xây dựng phương án PCCC trình Công an tỉnh xem xét, phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

- Xây dựng nội quy PCCC của dự án và treo ở những vị trí dễ quan sát.

- Tổ chức đội ngũ PCCC được tập huấn thường xuyên theo hướng dẫn của Công an PCCC tỉnh Lạng Sơn.

- Trang bị các họng cứu hỏa đến từng khu vực dự án và không ảnh hưởng tới công tác thoát nạn và triển khai cứu chữa khi có cháy xảy ra; các khu vực và khu vực có nguy cơ cháy cao (tủ điện) có đặt các bình cứu hỏa xách tay (bình bọt CO<sub>2</sub>), ngoài ra ban quản lý trường còn trang bị hệ thống chữa cháy và tủ chữa cháy đảm bảo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành.

- Đào tạo hướng dẫn và tập huấn cho cán bộ trong dự án, dán bảng hướng dẫn các bước thực hiện khi có sự cố cháy nổ tại khu vực trường.

- Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu quy phạm phòng chống cháy nổ.

### **2.5.2. Sự cố dịch bệnh**

- Định kỳ 1 lần/tuần phun thuốc sát trùng toàn bộ khu vực nhà văn hoá.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh chống nhiễm khuẩn tại dự án.

- Thực hiện tốt công tác thu gom, phân loại chất thải sinh hoạt, trong đó có các chất thải có tính chất nhiễm, truyền nhiễm bệnh.

- Phối hợp với trung tâm y tế tại khu vực trong công tác phòng ngừa dịch bệnh.

### **2.5.3. Sự cố do sấm sét**

Chủ dự án thực hiện xây dựng hệ thống chống sét cho toàn nhà, như sau:

- Chống sét dùng hình thức kim + lưới thu sét kết hợp kim thu sét dùng sắt tròn Φ18 dài 1,4m đầu vót nhọn mạ kẽm, hàn vào các xà gồ đỉnh mái 0,1m. Kim được lồng trong ống sứ hình quả bầu chống thấm cho chân kim. Hàn toàn bộ các xà gồ thép bằng mối hàn cầu nổi thành khung dẫn sét. Dây sét dẫn xuống dùng sắt tròn Φ10. Phần chống sét lộ ngoài trời sơn 3 nước sơn chống gỉ (trừ đầu kim mạ crom);

- Dây nối đất dùng sắt dẹt 40x4 đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Cọc nối đất sắt góc 63x63x6 dài 2m đầu vót nhọn đóng sâu vào lòng rãnh nối đất. Đầu trên của cọc cách dây rãnh 0,2m lấp rãnh nối bằng đất mịn đầm kỹ, dây xuống hàn với dây nối đất ở độ cao 0,5m.

- Hàn hệ thống chống sét bằng mối hàn cầu nối 2 mặt, chiều dài mối hàn không nhỏ hơn 6 lần đường kính với sắt tròn và 4 lần bề rộng với sắt dẹt. Các xà gồ thép hàn điện liên tục để dẫn dòng điện sét.

- Khi thi công chú ý tránh hệ thống chống sét với đường dây, đường ống đảm bảo khoảng cách an toàn.

- Đo kiểm tra điện trở nối đất  $R_{nd} \leq 10 \Omega$ .

### 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

#### 3.1. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án

**Bảng 4.5: Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án.**

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí tạm tính
1	Rãnh thu nước thu gom nước mưa chảy tràn	Rãnh	HT	100.000.000
2	Hố ga thu nước mưa	Hố	8	80.000.000
3	Bể tự hoại 3 ngăn cải tiến Bastaf xử lý nước thải	BỂ	03	50.000.000
4	Hố ga thu nước thải	BỂ	02	25.000.000
5	Rãnh thu nước thải	Rãnh	HT	100.000.000
6	Kho chứa CTNH	Kho	01	1.000.000
7	Thùng rác 220L	Cái	2	1.000.000
8	Thùng rác 50L	Cái	10	1.000.000

Chi phí xây dựng các hạng mục trên chỉ là dự toán, có thể thay đổi trong quá trình thực hiện.

#### 3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, BVMT

Quá trình xử lý nước thải của dự án đã được xây dựng hoàn thiện.

Biện pháp quây bạt quanh khu vực xây dựng được lên phương án từ khâu chuẩn

bị xây dựng.

Các công trình BVMT khác của dự án đơn giản, không phải xây lắp nhiều chủ yếu là thuê mua và được lên phương án chuẩn bị thường xuyên trong quá trình vận hành ổn định.

### **3.3. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành công trình BVMT**

Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường do chủ dự án đảm nhiệm. Chủ dự án có trách nhiệm quản lý các công trình này và giao nhiệm vụ đến từng thành viên trong bộ phận đảm nhiệm đảm bảo các công trình được liên tục và đúng theo quy định của Nhà nước.

## **4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:**

### **4.1. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá**

Các phương pháp sử dụng để dự báo, đánh giá thực hiện giấy phép môi trường gồm:

- *Phương pháp thống kê, lập bảng số liệu:* Thu thập và xử lý các số liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật, đặc điểm tự nhiên khu vực thực hiện dự án.

Mức độ tin cậy của phương pháp này cao.

- *Phương pháp đánh giá nhanh:* Phương pháp này do Tổ chức Y tế thế giới thiết lập nhằm ước tính tải lượng khí thải và các chất ô nhiễm trong nước thải của dự án. Mức độ tin cậy của phương pháp này là trung bình do:

- *Phương pháp lập bảng liệt kê:* Liệt kê đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu các ô nhiễm do hoạt động của dự án gây ra, bao gồm: Nước thải, khí thải, CTR, an toàn lao động, vệ sinh môi trường ..Phương pháp liệt kê là phương pháp tương đối đơn giản, cho phép phân tích một cách sâu sắc các tác động của nhiều hoạt động khác nhau lên cùng một nhân tố.. Mức độ tin cậy của phương pháp này cao.

- *Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm:* Nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng không khí, nước, đất, độ ồn tại khu vực thực hiện dự án và xung quanh. Mức độ tin cậy của phương pháp này cao.

- *Phương pháp so sánh:* So sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép ghi trong các TCVN, QCVN. Mức độ tin cậy của phương pháp này là cao.

- *Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường:* Khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu

về hiện trạng môi trường, điều kiện tự nhiên khu vực thực hiện dự án. Mức độ tin cậy của phương pháp này cao.

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như những tác động chính đến môi trường của dự án.

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc các phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của dự án nên đã đưa ra các kết quả tiệm cận với thực tiễn, giúp Đơn vị và các cơ quan quản lý nhà nước về BVMT có cơ sở để triển khai các công việc tiếp theo của dự án, đặc biệt trong quá trình đề xuất các biện pháp giảm thiểu và khống chế ô nhiễm môi trường tại Chương IV của báo cáo đề xuất cấp GPMT.

Các phương pháp áp dụng để dự báo ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đều là các phương pháp phổ biến, đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình thực hiện dự báo các tác động môi trường hiện nay tại Việt Nam và các nước trên thế giới.

#### **4.2. Mức độ chi tiết của các đánh giá**

Việc thực hiện các đánh giá tác động tới môi trường của dự án tới mỗi đối tượng trong báo cáo đều tuân theo trình tự như sau:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động dựa theo từng hoạt động (từng thành phần của hoạt động) gây tác động.
- Xác định quy mô không gian và thời gian của đối tượng bị tác động
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian thời gian và tính nhạy cảm của đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ mỗi hoạt động của Dự án mà còn xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi yếu tố môi trường trước mỗi hành động này. Có thể nói các đánh giá về tác động của Dự án khá chi tiết.

## CHƯƠNG V

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh do quá trình vệ sinh của CBCNV làm việc tại dự án và quá trình hoạt động của dân cư đến sinh hoạt tại khu vực nhà văn hoá

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh khi trời mưa chảy tràn trên bề mặt dự án. Tuy nhiên nước mưa chảy tràn hầu như được coi là sạch. Do đó ta không tính lưu lượng xả đối với nước mưa.

##### 1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

\* *Nước thải sinh hoạt:*

- Lưu lượng xả nước thải tối đa cho tổng dự án: 8,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương 0,37 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của nhà văn hoá được thu gom về bể tự hoại cải tiến bastaf 03 ngăn để xử lý, sau đó thoát ra rãnh chảy về hệ thống xử lý nước thải hạ tầng loại bỏ các vi sinh vật có trong nước thải đảm bảo đầu ra của nước thải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

**Bảng 5.1: Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Ph	-	5 – 9	Không	Không
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	50	thuộc đối tượng	thuộc đối tượng
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	100	thuộc đối tượng	thuộc đối tượng

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập*

	(TSS)			thực hiện	hiện
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

- Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải:

\* Vị trí xả thải: 01 vị trí sau bể tự ngầm tại khu vực sau hệ thống xử lý nước thải tại khu nhà văn hoá (theo hệ tọa độ VN-2000 với kinh tuyến trực là 107°15' và múi chiều 3°): X = 2383891; Y = 483946

+ Phương thức xả thải: Nước thải sau bể tự hoại chảy ra hệ thống xử lý nước thải hạ tầng.

+ Chế độ xả thải: Liên tục (24h/ ngày đêm).

+ Nguồn tiếp nhận: Nguồn tiếp nhận nước thải là suối Đình Lập đoạn chảy qua thị trấn Đình Lập.



**CHƯƠNG VI**

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư**

Thời gian vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải như sau:

**Bảng 6.1: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Thời gian bắt đầu</b>	<b>Thời gian kết thúc</b>	<b>Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm</b>
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà văn hoá	Sau khi hoàn thiện các công trình. Dự án đi vào hoạt động (dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2025)	Sau 06 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	70-80% công suất hoạt động.

*Ghi chú: Trước khi vận hành thử nghiệm chủ dự án sẽ thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình của dự án cho UBND huyện Đình Lập trước 10 ngày (kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) để theo dõi và giám sát).*

## **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

Theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ theo điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng cần thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động nên chủ dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục.

## **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Chủ dự án không thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

## **CHƯƠNG VII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường**

Chủ dự án cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

#### **2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan**

Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề:

1. Thu gom xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án qua công trình bể tự hoạt 03 ngăn trước khí thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đúng theo nội dung đã đề ra và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

5. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với GPMT đã được duyệt, Chủ dự án sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản có chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

# PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC I

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: Phát sinh do quá trình vệ sinh của CBCNV làm việc tại dự án và quá trình tham gia hoạt động của người dân tại khu vực nhà văn hoá.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

###### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là suối Đình Lập đoạn chảy qua thị trấn Đình Lập.

###### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: 01 vị trí sau bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf xử lý nước thải tại khu nhà văn hoá (theo hệ tọa độ VN-2000 với kinh tuyến trực là  $107^{\circ}15'$  và múi chiều  $3^{\circ}$ ):

$$X = 2383891; Y = 483946$$

###### 2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả thải lớn nhất cho toàn dự án:  $8,8 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Căn cứ theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không thuộc đối tượng cần thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động nước thải.

**Bảng 1: Các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động,
----	--------------	-------------	----------------------	--------------------	--------------------

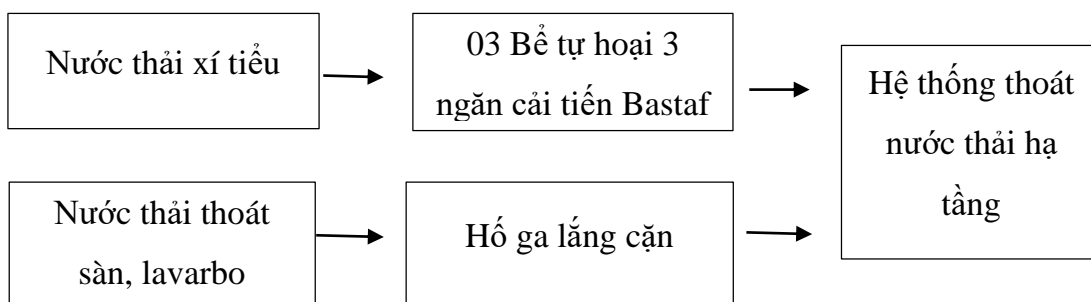
			phép	định kỳ	liên tục
1	Ph	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/L	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	10		
1	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về bể xử lý nước thải:

Chủ dự án thực hiện thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



### Quá trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

\* Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải xí tiều tại khu nhà được xử lý như sau: Nước thải từ bồn vệ sinh được

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà văn hoá, quảng trường khu trung tâm văn hoá, thể thao và dân cư huyện Đình Lập*

chảy về bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf nằm dưới khu nhà có thể tích 10,626 m<sup>3</sup>(2,8 x 2,3 x 1,65)m bằng đường ống D110 có tổng chiều dài toàn khu là 68m, thoát vào bể tự hoại. Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại được chuyển sang mạng lưới thốt nước bên ngoài qua đường ống UPVC D110.

- Nước thải thoát sàn, lavarbo của khu nhà chảy về hố ga lắng cặn bằng đường ống D90 có tổng chiều dài cho toàn khu nhà là 276m, hố ga thu nước có tiết diện 600x 600, sau đó chảy về hệ thống thoát nước thải hạ tầng.

\* Công suất thiết kế: Xây dựng các bể xử lý như sau:

**Bảng 2: Kích thước chi tiết các bể xử lý nước thải:**

TT	Tên công trình	Số lượng	Kích thước			Thể tích (m <sup>3</sup> )	Hiện trạng
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)		
<b>I</b>	<b>Khu nhà văn hoá</b>						
1	Bể tự hoại BASTAF	3	2,8	2,3	1,65	10,626	Xây mới
2	Hố ga	2	0,72	0,72	1,08	0,56	Xây mới

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải như sau:

**Bảng 3: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm**

TT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà văn hoá	Sau khi hoàn thiện các công trình. Dự án đi vào hoạt động (dự kiến hoàn thành vào tháng 12/ 2025)	Sau 06 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	70-80% công suất hoạt động.

*Ghi chú: Trước khi vận hành thử nghiệm chủ dự án sẽ thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình của dự án cho UBND huyện Đình Lập trước 10 ngày (kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) để theo dõi và giám sát.*

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.



## PHỤ LỤC II

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

###### 1.1: CTR sinh hoạt

###### 2.3.1. CTR sinh hoạt:

Trong giai đoạn hoạt động ổn định của dự án, chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV và người dân đến tham gia hoạt động tại khu nhà văn hoá. Lượng rác thải phát sinh bao gồm: Rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, hồng, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, kim kẹp,...).

**Bảng 4: Lượng CTR phát sinh lớn nhất trong ngày**

<i>TT</i>	<i>Đối tượng</i>	<i>Tiêu chuẩn (kg)</i>	<i>Số người</i>	<i>Tổng CTR</i>
1	CBCNV làm việc tại dự án	0,5	20	10
2	Người dân đến tham gia hoạt động tại nhà văn hoá	-	360	30
<b>Tổng</b>		<b>40kg</b>		

##### 1.2. Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chất thải nguy hại bao gồm pin hồng vớ số lượng không đáng kể khoảng 18kg/năm.

#### 2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa: Kho lưu chứa CTNH có diện tích 3m<sup>2</sup> (1,5m x 2m) có mái che, có biển tên theo quy định đặt tại khu vực nhà kho của dự án.

##### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1: Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy có nắp đậy.

2.2.2: Kho lưu chứa: Chứa tại khu lưu chứa rác tại dự án.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ; sự cố cháy rừng; sự cố sạt lở khu vực kè và khu vực chôn lấp rác thải; sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố về hệ thống xử lý khí thải; sự cố về lò đốt và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 123 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.